Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8477.90.20

Mã HS	8477.90.20
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để gia công cao su hoặc plastic hoặc dùng trong việc sản xuất các sản phẩm từ những vật liệu trên, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Bộ phận: / - - Của máy để gia công cao su hoặc sản xuất các sản phẩm từ cao su không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 09:17:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84779020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14445
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14445
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14445
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13793
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13734
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13734
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13734
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13734
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13734
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13734
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13788
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13788
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13788
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13788

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13788
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13788
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13789
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13789
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13789
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13789
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13789
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13789
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13792
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13740
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13748
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13748
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13748
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13748
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13748
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13748
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13779
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13779
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13779
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13779
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13779
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13779
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13828
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13828
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13828
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13828

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13828
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13828
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13811
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13811
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13811
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13811
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13811
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13811
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13811
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13811
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13811
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13811
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13811
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13811
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13826
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13826
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13826
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13826
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13826
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13826
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13825
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13825
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13825
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13825
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13825
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13825

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13805
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13805
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13805
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13805
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13805
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13805
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13805
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13813
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13813
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13813
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13813
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13813
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13813
RCEP B	2022	2022	0	B!D13813
RCEP B	2023	2023	0	B!E13813
RCEP B	2024	2024	0	B!F13813
RCEP B	2025	2025	0	B!G13813
RCEP B	2026	2026	0	B!H13813
RCEP B	2027	2027	0	B!I13813
RCEP C	2022	2022	0	C!D13813
RCEP C	2023	2023	0	C!E13813
RCEP C	2024	2024	0	C!F13813
RCEP C	2025	2025	0	C!G13813
RCEP C	2026	2026	0	C!H13813
RCEP C	2027	2027	0	C!I13813
RCEP D	2022	2022	0	D!D13812

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13812
RCEP D	2024	2024	0	D!F13812
RCEP D	2025	2025	0	D!G13812
RCEP D	2026	2026	0	D!H13812
RCEP D	2027	2027	0	D!I13812
RCEP E	2022	2022	0	E!D13816
RCEP E	2023	2023	0	E!E13816
RCEP E	2024	2024	0	E!F13816
RCEP E	2025	2025	0	E!G13816
RCEP E	2026	2026	0	E!H13816
RCEP E	2027	2027	0	E!I13816
RCEP F	2022	2022	0	F!D13813
RCEP F	2023	2023	0	F!E13813
RCEP F	2024	2024	0	F!F13813
RCEP F	2025	2025	0	F!G13813
RCEP F	2026	2026	0	F!H13813
RCEP F	2027	2027	0	F!I13813
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12824
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12824
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12824
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12824

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8477.90 có 5 dòng thuế; dòng 8477.90.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của máy để gia công cao su hoặc sản xuất các sản phẩm từ cao su không hoạt động bằng điện.	8477.90.10 Của máy gia công cao su hoặc sản xuất các sản phẩm từ cao su hoạt động bằng điện; 8477.90.32 Bộ phận của máy ép lớp mỏng dùng để sản xuất tấm mạch in hoặc tấm dây in; 8477.90.39 Loại khác; 8477.90.40 Của máy để gia công plastic hoặc các sản phẩm từ plastic, không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8477.90.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8477.90.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14445), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.